

VẤN ĐỀ ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHO GIÁO DỤC HOÀ NHẬP Ở VIỆT NAM

Nguyễn Thị Hoàng Yến

Khoa Giáo dục đặc biệt

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

1. Sự cần thiết của việc phát triển nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực (hay còn gọi là nguồn lực con người) hàm nghĩa là nhân tố con người được xem như là một tiềm năng, một điều kiện cần và có thể phát huy thành động lực cho một quá trình phát triển xã hội, một chiến lược phát triển xã hội trong những thời gian, không gian xác định. Ngày nay, nguồn lực con người được nhận thức như là yếu tố năng động nhất trong tất cả các nguồn lực và được coi là vốn xã hội đặc biệt.

Việc phát triển nguồn nhân lực luôn là bước đi cần thiết chuẩn bị cho sự phát triển bền vững ở cấp quốc gia. Sự tồn tại bền vững và phát triển theo con đường tiến bộ xã hội của bất cứ quốc gia nào cũng phụ thuộc vào nhiều nhân tố, mỗi nhân tố có vai trò riêng của mình, trong đó nhân tố con người luôn có vai trò quyết định trong mối quan hệ với các nhân tố này.

Thực hiện giáo dục trẻ khuyết tật chính là thực hiện Hiến pháp, các Luật, Pháp lệnh về người tàn tật cũng như chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với người tàn tật thông qua đội ngũ cán bộ, giáo viên và chuyên gia có trình độ hiểu biết về giáo dục đặc biệt (GDĐB) nói chung và giáo dục hoà nhập (GDHN) nói riêng.

Hiện nay, việc đảm bảo cơ hội công bằng giáo dục cho mọi người đang còn là một thách thức trong quá trình triển khai với đối tượng trẻ em đặc biệt, trong đó có trẻ khuyết tật. Như chúng ta biết, theo thống kê về giáo dục cơ bản trong Báo cáo Phát triển con người cho thấy, ở Việt Nam, tỉ lệ học sinh nhập học bậc tiểu học là 85,5%, trong số tỉ lệ gần 15% học sinh tiểu học còn lại chưa được đi học, hoặc chưa đạt trình độ giáo dục tiểu học, có khoảng 1,2 triệu em là trẻ khuyết tật. GDHN đã được khẳng định là hướng đi chính trong giáo dục trẻ khuyết tật ở Việt Nam. Trước mắt, để từng

bước thực hiện các mục tiêu trong chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010 của Đảng và Nhà nước và phấn đấu “đạt tỷ lệ 50% vào năm 2005 và 70% vào năm 2010” trẻ em khuyết tật Việt Nam được đến trường cũng như việc triển khai công tác GDHN có hiệu quả, thì việc phát triển nguồn nhân lực thông qua tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng về GDHN là việc làm hết sức cấp bách, cần thiết.

2. Thực trạng nguồn nhân lực cho GDHN tại Việt Nam

Việc chuẩn bị nguồn nhân lực cho GDHN ở Việt Nam hiện nay chủ yếu thông qua hệ thống đào tạo và bồi dưỡng của một số trường trung học sư phạm, cao đẳng sư phạm và đại học sư phạm, viện và trung tâm. Các cơ sở này đã xây dựng nội dung, chương trình đào tạo và đã được phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.1. Số lượng cán bộ có trình độ về GDĐB đã và sẽ được đào tạo

Trong những năm qua, Ban Chỉ đạo Giáo dục trẻ khuyết tật - Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có chương trình hợp tác với Tổ chức Cứu trợ và Phát triển CRS. Trong chương trình hợp tác này, ban chỉ đạo đã quyết định dành một nguồn kinh phí đáng kể cho việc cử (04) cán bộ đi học ở nước ngoài nhằm chuẩn bị tạo nguồn chuyên gia có trình độ cao (thạc sỹ) về giáo dục đặc biệt. Tuy nhiên, nguồn cán bộ được đào tạo bằng con đường này còn gặp rất nhiều khó khăn do hạn chế về kinh phí đào tạo và trình độ ngoại ngữ của cán bộ.

2.1.1. Cán bộ trình độ cử nhân sư phạm GDĐB

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội là trường đại học đầu tiên ở Việt Nam thành lập khoa Giáo dục đặc biệt để tiến hành các khoá đào tạo cử nhân sư phạm GDĐB (từ năm 1996) với nội dung đào tạo tập trung vào GDHN cho trẻ khuyết tật có những dạng tật đặc thù. Tiếp sau đó, từ năm 2003, các trường đại học sư phạm khác như: ĐHSP Quy Nhơn, ĐHSP TP. Hồ Chí Minh, ĐHSP Đà Nẵng cũng đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép bắt đầu triển khai tuyển sinh các khoá đào tạo cử nhân sư phạm GDĐB với các chuyên ngành đào tạo tập trung vào các lĩnh vực giáo dục trẻ ở nhiều dạng khuyết tật và GDHN. Số lượng cán bộ trình độ cử nhân sư phạm GDĐB đã và sẽ được đào tạo từ năm 1996 đến năm 2008 trong hệ thống các trường đại học sư phạm đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép sẽ là 395 người. Trong đó, đa số là cử nhân chuyên ngành GD trẻ khiếm thính: 146 người, và các chuyên ngành khác như: 66 người về chuyên ngành GD trẻ khiếm thị, 144 người về chuyên ngành GD trẻ chậm phát triển trí tuệ và 39 người về chuyên ngành GDHN. Trong số các trường đại học kể trên, trường ĐHSP Hà Nội và ĐHSP TP. Hồ Chí Minh là hai cơ sở đã và sẽ đào tạo được số lượng cử nhân sư phạm GDĐB lớn nhất cả nước (ĐHSP Hà Nội: 192 và ĐHSP TP. Hồ Chí Minh: 50 cử nhân).

2.1.2. Cán bộ trình độ cử nhân cao đẳng sư phạm GDDB

Để đáp ứng nhu cầu GDHN ngày càng cao của các địa phương, ngoài các trường đại học sư phạm đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt mã số đào tạo giáo viên tật học, 3 trường Cao đẳng Sư phạm Nhà trẻ Mẫu giáo Trung ương (CĐSPNTMGƯ) trong cả nước cũng đã được phép đào tạo giáo viên tật học trình độ cử nhân cao đẳng sư phạm.

Cả nước có 3 trường CĐSPNTMGƯ (Hà Nội, Nha Trang và TP. Hồ Chí Minh), tuy nhiên, mới chỉ có 2 trường đã bắt đầu tiến hành triển khai những khoá đào tạo cử nhân sư phạm GDDB đó là tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Năm 2003, trường CĐSPNTMGƯ 3 TP. Hồ Chí Minh đã bắt đầu khoá đào tạo giáo viên giáo dục đặc biệt với hình thức đào tạo phi chính qui về GDHN và can thiệp sớm trong 2 năm. Tiếp sau đó, trường CĐSPNTMGƯ 1 Hà Nội bắt đầu các khoá đào tạo giống mô hình này với hình thức chính quy và phi chính quy. Đến năm 2008, cả nước sẽ có số cử nhân trình độ cao đẳng sư phạm GDDB là 263 người. Trong đó, chủ yếu là số người được đào tạo với hình thức phi chính qui (157 / 263 người).

2.1.3. Cán bộ trình độ trung học sư phạm mầm non (THSPMN) về GDDB

Trên cả nước mới chỉ có duy nhất trường Trung học Sư phạm Nhà trẻ Mẫu giáo Trung ương TP. Hồ Chí Minh đã tiến hành thực hiện triển khai các khoá đào tạo. Bắt đầu từ 1999 và đến 2006, ước tính sẽ có khoảng 1.293 cán bộ trình độ THSPMN về GDDB đã và sẽ được đào tạo.

2.2. Nhu cầu nguồn nhân lực cho giáo dục hoà nhập

Nếu so sánh số cán bộ sẽ được đào tạo trong những năm tới với nhu cầu về đào tạo nguồn nhân lực chuẩn bị cho GDDB tối thiểu sẽ phải đáp ứng cho các cơ sở quản lý và giáo dục trẻ khuyết tật, chúng ta càng thấy rằng, trong việc đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực để triển khai GDHN trên phạm vi 64 tỉnh/thành của cả nước thì vấn đề phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực cho các cơ sở đào tạo, cho hệ thống quản lý giáo dục và nhân lực cho các trường hoà nhập còn là một thách thức lớn.

2.2.1. Nhân lực cho các cơ sở đào tạo

Ở thời điểm hiện tại, cấp độ cao nhất của các chương trình đào tạo đại học về giáo dục cho trẻ khuyết tật là trình độ cử nhân. Rất nhiều trường đại học thiếu những cán bộ giảng viên được đào tạo ở trình độ tương ứng để có thể tiến hành đào tạo cho trình độ này.

Cả nước có 4 trường đại học sư phạm đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt kế hoạch triển khai các chương trình đào tạo giáo viên giáo dục đặc biệt. Để những trường đại học này có thể đào tạo được những cán bộ có trình độ tương ứng, giả

định cần có 5 tiến sĩ và 15 thạc sĩ cho mỗi trường; để 3 trường CĐSPNTMGTTU có thể đào tạo được những trình độ tương ứng, giả định cần có 15 cử nhân cho mỗi trường; và để 64 trường CĐSP/64 tỉnh (thành) của cả nước có thể đào tạo được những trình độ tương ứng, giả định cần có 1 thạc sĩ và 6 cử nhân cho mỗi trường thì tổng số nhân lực cần được đào tạo với các trình độ tương ứng sẽ là khoảng 20 tiến sĩ, 124 thạc sĩ và 439 cử nhân.

2.2.2. Nhân lực cho hệ thống quản lý giáo dục

Để có kế hoạch tổ chức, quản lý giáo dục hoà nhập và đào tạo cho giáo viên cũng như có kế hoạch mở rộng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên giảng dạy hoà nhập cho trẻ khuyết tật theo định hướng phát triển của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì nguồn nhân lực cho hệ thống quản lý giáo dục của giáo dục hoà nhập là không thể thiếu. Đặc biệt *đội ngũ quản lý giáo dục* của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục cần phải được đào tạo tương ứng để có thể phát triển, thực hiện, điều hành giám sát GDHN.

Nếu giả định mỗi Sở Giáo dục và Đào tạo cần có ít nhất là 3 cử nhân và mỗi quận cần có 1 cử nhân thì số cử nhân cần có sẽ là 842; hoặc theo cách giả định thứ hai là mỗi tỉnh cần có ít nhất là 1 thạc sĩ và 2 cử nhân thì số cử nhân cần có sẽ là 128 và số thạc sĩ cần có sẽ là 64. Ngoài số lượng đội ngũ cán bộ quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục, chúng ta cần tính đến nhu cầu về đội ngũ quản lý giáo dục ở các trường học. Tuy nhiên, cho đến nay, chưa có số liệu thống kê rõ ràng về tổng số các trường. Niên giám thống kê hàng năm chỉ cho biết số liệu về các lớp mầm non là 88.700 mà không có số liệu về các trường. Do đó, giả sử có hơn 25.000 trường học (mầm non, tiểu học, THCS) ở Việt Nam, trong đó tiểu học có 14.346 trường, THCS có 8.745 trường thì đội ngũ cán bộ được đào tạo/bồi dưỡng văn bằng 2 về GDĐB ít nhất sẽ phải là 25.000.

2.2.3. Nhân lực cho các trường hoà nhập: mầm non, tiểu học, THCS

Để tiến hành giáo dục hoà nhập thành công thì cần đào tạo một số lượng lớn giáo viên. Chúng ta giả định hệ thống giáo dục hoà nhập trong tương lai cần nhiều nhóm giáo viên ở nhiều mức độ được đào tạo khác nhau với 3 khả năng:

Mức độ khả năng 1: Giáo viên tốt nghiệp trường cao đẳng sư phạm, được bồi dưỡng kiến thức cơ bản về giáo dục cho trẻ khuyết tật (ở mầm non, tiểu học, THCS) với 696.500 người.

Mức độ khả năng 2: Giáo viên tốt nghiệp cao đẳng và có kiến thức cơ bản về giáo dục trẻ khuyết tật (ở mầm non, tiểu học, THCS). Những người này có thể đạt được trình độ tại chức với 34.400 người.

Mức độ khả năng 3: Giáo viên được đào tạo về GDĐB (trình độ cử nhân GDĐB hoặc văn bằng 2 cử nhân đại học về GDĐB). Những giáo viên này có thể làm

việc cho những trung tâm nguồn hoặc đóng vai trò như những giáo viên hỗ trợ/trợ giúp trong hệ thống trường học với 12.900 người.

Các khoá đào tạo tại chức nên được thiết kế dựa trên các mức độ khả năng để phù hợp với đối tượng người học.

Trên đây là số liệu ước tính về nhu cầu nguồn nhân lực tối thiểu cần cung cấp cho hệ thống giáo dục thực hiện giáo dục hoà nhập cho trẻ khuyết tật trên cả nước (chưa tính đến nhu cầu nhân lực cho hệ thống hỗ trợ, trung tâm giáo dục đặc biệt, trung tâm nguồn).

3. Kết luận

Trong những năm qua, việc chuẩn bị nguồn nhân lực cho giáo dục trẻ khuyết tật tuy chậm, nhưng đã đạt được những thành tựu nhất định:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thể hiện rõ quyết tâm và tích cực ủng hộ mạnh mẽ cho việc phát triển các chương trình GDHN.

- Hệ thống các trường sư phạm đã có nhận thức tốt về trách nhiệm và thái độ sẵn sàng tham gia đóng góp vào việc chuẩn bị nguồn nhân lực cho GDHN ở các cấp độ khác nhau.

- Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục, một số trung tâm và Sở Giáo dục và Đào tạo (TP. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Huế, Quảng Trị, Ninh Bình, Quảng Ninh, Hoà Bình) đã có nhiều kinh nghiệm triển khai công tác bồi dưỡng và thực hiện các chương trình GDHN tại địa phương.

- Sự ủng hộ kiên trì và tích cực của các tổ chức quốc tế nhằm giúp Việt Nam tăng cường các chương trình giáo dục cho trẻ khuyết tật bằng nhiều hình thức và cách tiếp cận khác nhau.

4. Khuyến nghị

Để có thể đáp ứng nhu cầu nhân lực cho GDHN và can thiệp sớm về số lượng, đảm bảo về chất lượng, từ thực tiễn, chúng tôi xin đề xuất một số khuyến nghị sau:

- Cần có một chiến lược tổng thể và hệ thống chính sách toàn diện cho giáo dục đặc biệt ở cấp bộ và liên bộ. Trong đó, chiến lược phát triển nguồn nhân lực phải đi trước một bước và được đầu tư một cách thoả đáng để đáp ứng được nhu cầu cho hoạt động phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, can thiệp sớm và giáo dục hoà nhập.

- Trên cơ sở chiến lược tổng thể, mỗi bộ ngành liên quan sẽ xây dựng một kế hoạch hành động chi tiết, cụ thể để thực hiện chiến lược đề ra.

- Cần có sự điều phối và giám sát chặt chẽ tiến trình thực thi kế hoạch nhằm đảm bảo tính hiệu quả của các mục tiêu đã đặt ra và đảm bảo sự đồng bộ giữa cấp hoạch định chính sách và cấp thực thi.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo cần nghiên cứu các loại hình đào tạo và bồi dưỡng, đồng thời chuẩn hoá nội dung đào tạo và văn bằng tương ứng ở các trình độ khác nhau để nguồn nhân lực được đào tạo tại các cơ sở vừa đủ về số lượng, vừa đảm bảo về chất lượng.

- Tăng cường cải thiện cơ sở vật chất cho các cơ sở đào tạo và phát triển các chính sách khuyến khích đối với người dạy và người học.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo dục trẻ khuyết tật - Hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện Nghị Định 26/CPTTT của Chính phủ*, Hà Nội, 12 - 2000.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Kỷ yếu hội thảo trao đổi kinh nghiệm giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh*, tháng 6 năm 2003.
3. Báo cáo đánh giá chương trình do Radda Barnen tài trợ "Giáo dục hoà nhập ở Việt nam" (1998), NXB Chính trị Quốc gia.
4. Báo cáo đánh giá dự án thí điểm đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng chuyên ngành giáo dục hoà nhập tại Việt Nam, *Tổ chức cứu trợ trẻ em Thụy Điển tiến hành*. NXB Chính trị Quốc gia 2003.
5. Chiến lược phát triển giáo dục 2001 - 2010. Ban hành kèm theo Quyết định số 201/2001/QĐ-TTg, ngày 28/12/2001 của Thủ Tướng Chính phủ.
6. Nguyễn Thị Hoàng Yến, Sijze Bergsma: Báo cáo Nghiên cứu "Tổng quan các hoạt động đào tạo nhân lực và đánh giá nhu cầu đào tạo trong lĩnh vực GDHN ở Việt Nam". Hà Nội, tháng 11 năm 2004
7. Niên giám thống kê. NXB Hà Nội, 2003.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Chỉ đạo Giáo dục trẻ khuyết tật. *Kỷ yếu hội nghị triển khai nhiệm vụ giáo dục trẻ khuyết tật năm học 2004 - 2005 các tỉnh phía Bắc*. 23/10/2004.
9. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học. *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.